TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A1

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400013	ĐẶNG THỊ HỒNG	ANH	X	15/02/2006	8,0	8,0	6,5	8,0	
2	T2400043	TRỊNH THỊ NGỌC	ANH	X	19/08/2006	10,0	7,5	7,0	8,0	
3	T2400081	TRẦN THỊ KIM	CHI	X	08/07/2006	8,0	6,5	4,5	6,5	
4	T2400140	LÊ THÀNH	ĐẠT		13/08/2006	9,0	5,5	5,5	6,5	
5	T2400155	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG		19/01/2006	7,0	5,5	7,5	9,0	
6	T2400159	TRẦN HẢI	ĐĂNG		14/06/2006	10,0	8,5	8,5	8,0	
7	T2400167	TRƯƠNG THỊ HỒNG	ĐÍNH	X	30/04/2005	9,0	7,5	7,5	5,5	
8	T2400186	PHAN THỊ HẠNH	GIAO	X	24/01/2006	10,0	8,0	8,5	6,5	
9	T2400213	ĐẶNG LÂM THANH	HẠO		13/03/2006	9,5	6,5	5,5	8,0	
10	T2400229	HUỲNH THỊ KIM	HẬU	X	12/02/2006	9,0	6,5	5,0	7,5	
11	T2400325	NGUYỄN VIỆT	KHÁI		10/06/2006	9,5	7,5	9,5	7,5	
12	T2400329	ĐINH THANH	KHANG		02/05/2006	6,5	6,5	6,5	6,5	
13	T2400351	PHẠM VĂN	KHANH		10/04/2006	9,5	7,0	7,0	8,5	
14	T2400384	LÝ HỒNG	LAM		22/12/2006	10,0	7,5	7,5	6,0	
15	T2400418	PHẠM TRÚC	LINH	X	16/10/2006	9,5	7,0	7,5	7,5	
16	T2400443	BÙI KIM	LUYẾN	X	27/06/2006	8,5	8,0	9,5	5,0	
17	T2400444	HUỲNH TẤN	LỰC		30/05/2006	8,5	8,0	9,0	6,5	
18	T2400451	LÊ MINH	LÝ		07/05/2006	9,5	9,5	9,5	9,0	
19	T2400474	TRẦN THỊ	MUỘI	X	04/01/2006	10,0	7,5	7,5	9,0	
20	T2400486	CHAU KA RA	NA		10/07/2004	7,5	7,5	5,5	7,0	
21	T2400495	NGUYỄN VĂN	NO		09/12/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
22	T2400516	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	X	12/09/2006	9,5	6,5	7,5	7,0	
23	T2400598	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	X	04/01/2006	9,5	7,5	10,0	8,0	
24	T2400643	NGUYỄN TRUNG	NHỰT		29/09/2006	6,0	7,0	6,5	8,0	
25	T2400661	ĐẶNG NGUYỄN	PHÚ		16/12/2006	7,0	6,0	7,5	8,5	
26	T2400689	VÕ HỒNG HUY	QUANG		12/11/2006	9,5	8,5	6,0	5,0	
27	T2400738	PHÙ MỸ	TÂM	X	09/10/2006	7,5	7,0	6,5	9,0	
28	T2400748	NGUYỄN THỊ KIM	TIỀN	X	29/03/2006	8,0	7,0	6,5	7,5	
29	T2400757	LÊ VĂN NHỰT	TÌNH		19/06/2006	9,5	7,0	7,5	9,0	
30	T2400774	NGUYỄN ĐẠT	TỚI		09/04/2006	9,0	8,5	9,5	8,0	
31	T2400779	NGUYỄN TUẤN	TÚ		11/08/2006	9,5	8,5	8,5	9,5	
32	T2400810	LÊ PHƯỚC HOÀI	THANH		18/12/2006	7,5	5,5	8,5	6,5	
33	T2400834	NGUYỄN VĂN	THẬT		11/02/2006	6,0	5,5	6,5	5,0	
34	T2400844	NGUYỄN TRÍ	THIỆN		01/01/2006	3,5	5,5	6,5	7,0	
35	T2400845	PHẠM VŨ	THIỆN		08/04/2006	9,5	6,5	8,5	8,0	
36	T2400862	NGUYỄN SONG	THƠ		15/01/2006	9,5	8,0	6,5	9,0	
37	T2400945	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN	X	07/03/2006	9,5	8,0	7,5	9,0	
38	T2400974	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	X	16/07/2006	9,5	8,0	6,5	6,5	
39	T2401012	TRẦN XUÂN	VĨNH		03/10/2006	7,5	6,5	5,5	6,0	
40	T2401036	LÊ PHÚC	XUÂN		02/10/2006	9,5	7,0	8,0	10,0	
41	T2401052	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	X	12/07/2006	7,5	8,0	5,0	5,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A2

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400077	TẠ NGỌC	CHÂU	X	30/05/2006	9,5	7,5	7,5	6,5	
2	T2400130	PHAN THỊ HỒNG	ĐÀO	X	26/10/2006	9,5	8,0	9,0	10,0	
3	T2400233	PHẠM TẤN	HẬU		18/08/2006	8,0	7,0	6,5	6,5	
4	T2400247	NGUYỄN HUY	HIẾU		22/12/2006	9,5	6,5	7,5	6,0	
5	T2400255	PHAM THỊ Ý	HON	X	07/02/2006	10,0	8,5	7,5	7,5	
6	T2400261	NGUYỄN THỊ MỸ	HUỆ	X	24/02/2006	10,0	8,0	7,5	6,5	
7	T2400263	CHUNG QUỐC	HUY		16/05/2006	8,0	6,5	7,0	7,0	
8	T2400273	LÊ THỊ LỆ	HUYỀN	X	12/10/2006	9,5	6,0	4,5	7,5	
9	T2400280	ĐẶNG	HUỲNH		11/01/2006	7,5	6,0	8,5	10,0	
10	T2400281	HỒ MAI	HUỲNH	X	15/04/2006	9,5	6,0	8,5	7,5	
11	T2400303	NGUYỄN TUẤN	KIỆT		28/12/2006	8,5	6,5	7,5	5,5	
12	T2400304	NGUYỄN TUẤN	KIỆT		12/07/2006	9,5	6,5	8,5	7,0	
13	T2400367	DƯƠNG ĐĂNG	KHOA		05/04/2005	9,0	7,5	5,0	5,0	
14	T2400506	LƯƠNG THANH	NGÂN	X	05/05/2006	8,5	7,5	5,0	7,5	
15	T2400550	VÕ THỊ KIM	NGỌC	X	18/11/2006	10,0	7,0	6,5	6,5	
16	T2400570	VÕ THANH	NGUYỄN		29/11/2006	10,0	7,0	6,5	5,5	
17	T2400572	TRẦN THỊ THU	NGUYỆT	X	27/03/2006	10,0	6,5	5,5	7,5	
18	T2400578	LƯU THANH	NHÀN		18/03/2006	9,5	6,5	4,5	4,5	
19	T2400611	LÂM QUANG	NHIỀU		31/05/2006	10,0	6,0	7,5	8,0	
20	T2400623	HUỲNH THẢO	NHƯ	X	30/10/2006	8,5	6,5	5,0	6,0	
21	T2400628	NGUYỄN NGỌC TÂM	NHƯ	X	03/11/2006	9,0	7,5	5,5	8,5	
22	T2400637	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	NHƯ	X	17/07/2006	10,0	7,5	5,5	6,5	
23	T2400640	LÊ KHÁNH	NHỰT		15/01/2006	8,5	6,0	6,0	4,0	
24	T2400654	LÊ VĂN	PHI		17/08/2006	9,5	7,5	7,5	6,5	
25	T2400662	LÝ NGUYỄN	PHÚ		04/03/2006	8,5	6,5	5,5	4,5	
26	T2400684	TÔ HOÀI	PHƯƠNG		08/07/2006	8,5	5,0	5,0	4,0	
27	T2400693	ĐINH LÊ PHÚ	QUÍ		10/12/2006	9,5	7,0	6,5	9,5	
28	T2400710	BÙI QUAN	QUYỀN		27/09/2006	8,0	5,0	5,5	3,0	
29	T2400713	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	X	01/02/2006	9,5	8,5	6,0	8,0	
30	T2400827	NGUYỄN NGỌC	THẢO		18/04/2006	9,5	5,0	5,5	4,5	
31	T2400843	NGUYỄN NGỌC	THIỆN		11/09/2006	7,5	5,5	5,0	8,0	
32	T2400846	LÊ PHƯƠNG	THIỆU		11/05/2006	9,0	6,5	6,0	5,0	
33	T2400854	TRẦN VĂN	THỊNH		16/06/2006	8,5	7,0	5,5	6,0	
34	T2400882	HỒ LÊ MINH	THƯ	X	03/04/2006	9,5	8,0	5,5	9,0	
35	T2400906	TRẦN THỊ ANH	THƯ	X	15/05/2006	8,5	7,0	5,5	4,0	
36	T2400926	NGUYỄN BÍCH	TRÂM	X	12/02/2006	10,0	7,5	7,5	8,0	
37	T2400937	LÊ BÙI HUẾ	TRÂN	X	15/02/2006	9,5	7,0	8,5	6,5	
38	T2400940	LÊ THỊ QUYỀN	TRÂN	X	26/01/2006	7,5	8,0	7,5	6,0	
39	T2401009	NGUYỄN THANH	VINH		12/03/2006	8,0	6,0	6,5	6,0	
40	T2401019	CHAU CHANH ĐA RA	VÚTH		09/12/2006	6,0	6,0	5,5	5,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A3

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400010	PHẠM HUỲNH THÚY	AN	X	28/08/2006	8,5	7,0	6,5	9,0	
2	T2400035	NGUYỄN TRẦN TRÚC	ANH	X	03/03/2006	8,5	6,0	7,5	9,5	
3	T2400050	VÕ BÙI ĐÌNH	BẢO		12/09/2006	8,5	6,0	7,5	6,5	
4	T2400058	NGUYỄN HỮU	BẰNG		31/05/2006	7,5	7,0	5,5	7,5	
5	T2400079	ĐỖ THỊ MỸ	CHI	X	15/08/2006	8,0	7,0	5,5	8,0	
6	T2400128	HUỲNH HỮU	ĐANG		18/06/2006	6,5	7,0	5,5	9,0	
7	T2400135	HUỲNH PHÁT	ĐẠT		15/09/2006	9,5	8,0	7,5	9,0	
8	T2400203	NGUYỄN NHẬT	HÀO		15/10/2006	8,5	6,0	7,5	7,5	
9	T2400209	NGUYỄN NHƯ	HẢO	X	12/03/2006	7,5	6,5	7,0	5,0	
10	T2400217	BẰNG THỊ NGỌC	HÂN	X	22/02/2006	9,0	7,0	6,0	7,5	
11	T2400230	NEÁNG	HẬU	X	07/07/2006	8,5	7,0	6,5	9,5	
12	T2400242	HUỲNH PHƯỚC	HIỆP		17/03/2006	8,0	4,5	5,5	10,0	
13	T2400277	TRẦN THỊ MỸ	HUYỀN	X	12/02/2006	10,0	8,5	9,5	10,0	
14	T2400284	NGUYỄN NHƯ	HUỲNH	X	02/09/2006	9,5	9,0	9,0	8,5	
15	T2400296	HUỲNH TRUNG	KIÊN		21/09/2006	7,5	6,5	4,5	8,5	
16	T2400314	CHANH SÓC	KHA	X	06/07/2006	9,0	9,5	6,0	8,5	
17	T2400321	TRƯƠNG MINH	KHÁ		16/03/2005	8,5	8,5	7,0	9,0	
18	T2400353	ĐẶNG MINH	KHÁNH		12/06/2006	9,0	5,0	5,0	7,5	
19	T2400374	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI		25/01/2006	7,5	6,5	5,5	5,0	
20	T2400395	TRẦN HUỲNH	LÂM		26/01/2006	9,5	6,5	5,0	6,0	
21	T2400401	TRẦN THỊ BÍCH	LIÊN	X	10/11/2004	5,5	7,5	4,5	7,0	
22	T2400465	BÙI VĂN	MINH		17/03/2006	9,5	9,0	6,5	8,0	
23	T2400472	ĐẶNG THỊ KIỀU	MUỘI	X	25/07/2006	9,5	6,5	6,0	7,5	
24	T2400490	TRẦN KHOA	NAM		24/02/2006	9,5	7,5	7,0	7,5	
25	T2400509	MAI TUYẾT	NGÂN	X	06/11/2006	9,0	9,0	7,5	9,5	
26	T2400535	LÊ THỊ KIM	NGỌC	X	13/05/2006	10,0	8,0	9,5	9,5	
27	T2400538	NGUYỄN BÃO	NGỌC	X	05/06/2006	7,5	8,5	7,0	7,5	
28	T2400571	PHẠM THỊ MINH	NGUYỆT	X	08/03/2006	9,5	9,0	8,0	9,0	
29	T2400573	TRỊNH THỊ ÁNH	NGUYỆT	X	14/04/2006	9,0	7,5	7,0	9,0	
30	T2400657	LƯ THANH	PHONG		20/05/2006	9,5	8,0	7,5	9,0	
31	T2400687	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯỢNG	X	06/11/2006	9,5	7,5	8,0	10,0	
32	T2400703	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	X	05/05/2006	10,0	8,0	8,0	10,0	
33	T2400711	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYỀN	X	26/01/2006	9,5	8,0	8,0	8,5	
34	T2400718	HUỲNH THÀNH	SANG		09/10/2006	8,0	8,5	8,5	10,0	
35	T2400766	NGUYỄN ÁNH	TỎA	X	07/11/2006	9,5	8,5	6,0	10,0	
36	T2400835	HUỲNH THỊ KIM	THE	X	06/12/2006	8,5	7,0	7,0	9,5	
37	T2400852	PHẠM TRỊNH TRƯỜNG	THỊNH		06/02/2006	9,5	7,5	7,5	9,0	
38	T2400888	LÊ ANH	THƯ	X	01/11/2006	10,0	7,5	8,0	7,5	
39	T2401016	NGUYỄN HỒNG	VŨ		24/01/2006	10,0	7,0	7,5	6,0	
40	T2401032	NGUYỄN THỊ TRÚC	VY	X	19/03/2006	9,5	9,0	5,5	8,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A4

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400020	LÊ DUY	ANH		23/01/2006	4,5	5,5	2,5	7,0	
2	T2400057	NGUYỄN HUỲNH HỮU	BẰNG		20/08/2006	8,5	6,0	6,5	8,5	
3	T2400067	TRẦN HẠ	CƠ	X	17/12/2006	8,0	7,5	8,5	8,5	
4	T2400115	TRẦN KHÁNH	DUY		13/06/2006	8,5	6,0	7,0	7,5	
5	T2400120	LÊ THANH	DŨNG		12/12/2006	10,0	9,5	9,5	5,0	
6	T2400170	HUỲNH THỊ CẨM	ĐOAN	X	19/07/2006	9,5	6,0	5,5	9,0	
7	T2400171	LÊ THỊ KIM	ĐOAN	X	12/06/2006	7,5	6,0	7,5	5,0	
8	T2400206	TRẦN NHẬT	HÀO		02/04/2006	8,5	5,5	4,5	6,0	
9	T2400227	VƯƠNG THỊ GIA	HÂN	X	30/07/2006	6,0	5,0	4,5	7,0	
10	T2400236	NGUYỄN THỊ KIM	HIÊN	X	16/01/2006	8,0	6,5	6,5	6,0	
11	T2400279	BÙI MẠNH	HUỲNH		25/05/2006	7,5	6,5	5,5	8,5	
12	T2400313	THÂN THỊ MỸ	KIM	X	30/01/2006	7,5	7,0	7,0	8,0	
13	T2400340	NGUYỄN PHÚC	KHANG		27/10/2006	7,5	4,5	5,5	6,5	
14	T2400355	LÊ DUY	KHÁNH		20/07/2006	9,0	7,5	9,5	10,0	
15	T2400438	MAI VŨ	LUÂN		10/10/2006	9,0	7,0	7,5	8,0	
16	T2400459	NGUYỄN THỊ	MÃI	X	08/10/2006	10,0	7,0	6,5	8,5	
17	T2400467	LÊ HÀO	MINH		09/09/2006	9,0	6,0	7,5	8,0	
18	T2400513	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	X	12/07/2006	8,5	8,5	6,5	8,5	
19	T2400529	LÊ CHÍ	NGOAN		27/10/2006	9,5	8,0	6,5	7,5	
20	T2400560	NGUYỄN THỊ THU	NGUYÊN	X	20/04/2005	6,5	8,0	6,5	5,5	
21	T2400562	PHAN ĐÔNG	NGUYÊN	X	10/03/2006	7,5	5,5	8,0	6,0	
22	T2400606	ĐÀO MINH	NHÍ		06/01/2006	10,0	7,5	6,5	7,0	
23	T2400629	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHƯ	X	16/04/2006	9,5	7,0	6,5	9,0	
24	T2400669	DANH NGUYỄN	PHÚC		21/02/2006	4,5	6,0	5,5	8,5	
25	T2400675	TRƯƠNG MINH	PHÚC		19/12/2006	6,5	6,5	6,5	8,0	
26	T2400700	BÙI NGỌC	QUÝ	X	17/04/2006	10,0	8,0	9,0	9,5	
27	T2400733	LÊ CHÍ	TÀI		19/04/2006	8,5	7,5	8,0	8,0	
28	T2400780	PHAN THỊ CẨM	TÚ	X	13/05/2006	8,5	6,0	7,5	7,5	
29	T2400785	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN		28/11/2006	7,5	9,0	8,5	9,5	
30	T2400797	TRẦN THỊ HỒNG	TƯƠI	X	12/04/2006	9,5	8,5	6,5	9,0	
31	T2400802	NGUYỄN VĂN	THẠCH		28/01/2006	7,0	7,0	4,5	7,0	
32	T2400820	BÙI HIẾU	THẢO	X	15/06/2006	10,0	9,0	4,0	6,0	
33	T2400840	CAO QUỐC	THÍCH		10/09/2006	7,5	4,5	4,5	5,5	
34	T2400874	NGUYỄN THỊ MINH	THÙY	X	25/10/2006	4,0	5,5	5,5	6,0	
35	T2400894	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	X	20/09/2006	9,5	8,0	5,0	6,5	
36	T2400903	TRẦN KIM	THƯ	X	14/04/2006	8,0	8,0	5,0	5,5	
37	T2400942	LÝ HUYỀN	TRÂN	X	04/03/2006	9,5	7,5	7,5	7,0	
38	T2400973	TRẦN THỊ HỒNG	TRÚC	X	20/01/2006	9,5	8,0	7,5	9,0	
39	T2401023	LÊ NGUYỄN THẢO	VY	X	14/10/2006	9,5	6,5	6,5	7,0	
40	T2401042	NGUYỄN THỊ MỸ	XUYÊN	X	26/09/2006	8,5	7,0	6,5	6,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024
LỚP: DB2429A5

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400006	TRẦN TRUNG	ÁI		16/01/2006	8,5	5,5	6,5	8,5	
2	T2400025	NGUYỄN ĐỨC	ANH		08/06/2006	8,5	5,0	6,5	5,5	
3	T2400033	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	X	21/06/2006	8,5	8,0	7,5	9,0	
4	T2400040	PHAN THANH PHƯƠNG	ANH	X	13/04/2006	9,5	7,5	6,0	8,5	
5	T2400094	NGUYỄN THỊ	DIỆU	X	15/02/2006	9,5	7,0	7,0	7,0	
6	T2400095	TRẦN HOÀI	DOANH		10/11/2006	9,5	7,0	6,5	7,5	
7	T2400114	NGUYỄN THỊ THÚY	DUY	X	20/09/2006	9,5	7,0	4,5	8,0	
8	T2400129	TRẦN HỮU	ĐANG		18/02/2006	8,5	5,0	5,0	4,0	
9	T2400145	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT		02/02/2006	9,5	7,5	6,5	5,0	
10	T2400153	LÂM PHƯƠNG	ĐĂNG		06/10/2006	9,5	6,5	5,5	7,5	
11	T2400157	PHAN HẢI	ĐĂNG		21/10/2006	9,5	7,0	6,0	6,5	
12	T2400180	TRẦN THẾ	EM		06/01/2006	9,5	5,0	5,5	8,0	
13	T2400195	HỒ CHÍ	HẢI		27/02/2006	8,5	7,0	5,0	6,0	
14	T2400232	NGUYỄN TRUNG	HẬU		05/06/2006	9,5	7,5	7,5	7,5	
15	T2400266	HUỲNH GIA	HUY		23/10/2006	9,5	6,5	7,5	8,0	
16	T2400293	TRẦN GIA	HƯNG		19/06/2006	9,5	7,0	7,5	9,0	
17	T2400322	HÀ QUỐC	KHẢI		06/10/2006	5,5	4,5	2,5	6,0	
18	T2400402	PHAN THỊ THÚY	LIỄU	X	14/11/2006	8,5	6,5	8,0	7,5	
19	T2400422	CHÂU NGỌC YẾN	LOAN	X	13/06/2006	9,5	9,0	9,0	8,0	
20	T2400433	CHUNG BẢO	LUÂN		10/11/2006	9,5	8,5	8,0	8,5	
21	T2400475	VÕ THỊ NGỌC	MUỘI	X	19/05/2004	8,5	8,0	7,0	8,0	
22	T2400500	VÕ VĂN	NGÀ		01/01/2006	9,5	7,5	8,0	5,5	
23	T2400527	HUỲNH TRUNG	NGHĨA		30/10/2006	9,0	6,0	8,0	7,5	
24	T2400584	TRẦN HỒNG HẠT	NHÂN		14/04/2006	8,0	7,5	4,5	6,5	
25	T2400647	NGUYỄN KIM	PHA	X	03/10/2006	8,5	7,0	4,0	8,0	
26	T2400667	CAO NGỌC	PHÚC	X	03/08/2006	6,5	6,0	4,5	7,0	
27	T2400670	HUỲNH HỒ MINH	PHÚC		19/06/2006	7,5	5,0	5,5	8,0	
28	T2400705	NGUYỄN HỒNG	QUYÊN	X	15/06/2006	6,5	8,0	6,5	6,0	
29	T2400708	PHẠM MỸ	QUYÊN	X	03/04/2006	8,0	7,5	6,0	7,0	
30	T2400726	NGUYỄN THANH	SƠN		09/07/2006	9,0	7,0	4,5	9,0	
31	T2400739	TRẦN THÀNH	TÂM		28/06/2006	9,5	7,0	5,5	9,0	
32	T2400764	TRẦN LÊ HOÀNG	TÍNH		12/08/2005	10,0	5,5	6,5	9,0	
33	T2400836	NGUYỄN VIẾT	THI		02/08/2006	7,5	6,0	3,0	7,5	
34	T2400838	PHẠM THỊ	THI	X	22/08/2006	8,5	7,5	3,5	6,5	
35	T2400857	TRẦN KIM	THOA	X	08/10/2006	8,5	7,0	5,5	7,0	
36	T2400866	DƯƠNG MINH	THUẬN		01/01/2006	4,5	5,5	4,5	7,0	
37	T2400913	NGUYỄN NGỌC	THY	X	19/06/2006	9,5	6,5	4,5	8,0	
38	T2401044	VÕ THỊ BẢO	XUYÊN	X	07/11/2006	9,5	6,5	4,0	8,5	
39	T2401075	NGUYỄN CHÍ	VĨ		22/02/2006	9,5	5,5	4,0	8,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A6

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400069	NGUYỄN THỊ KIM	CƯƠNG	X	19/04/2006	10,0	7,5	5,5	7,5	
2	T2400092	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	X	14/02/2006	9,5	6,5	5,5	7,5	
3	T2400098	TẠ QUỐC	DŨNG		11/10/2005	7,5	7,5	6,0	8,5	
4	T2400109	NGUYỄN HỮU	DUY		09/04/2006	9,5	7,0	5,5	8,5	
5	T2400124	TRIỆU HÙNG	DƯƠNG		04/09/2006	9,5	7,0	3,5	9,5	
6	T2400138	LẠI CÔNG	ĐẠT		07/07/2006	9,0	7,0	6,0	9,5	
7	T2400189	TRẦN THANH	GIÀU		07/04/2006	4,5	6,0	3,5	6,0	
8	T2400196	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	X	24/01/2006	9,5	7,0	6,0	9,0	
9	T2400223	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	X	02/01/2006	7,5	7,5	6,0	6,5	
10	T2400287	NGUYỄN THỊ NHƯ	HUỲNH	X	07/09/2006	7,5	8,0	5,5	8,0	
11	T2400326	DƯ SỬ PHÚC	KHANG		22/04/2006	7,5	7,0	5,5	6,0	
12	T2400330	ĐỖ NHẬT	KHANG		28/08/2006	9,5	7,0	4,5	5,0	
13	T2400399	NGUYỄN NGỌC	LIÊM		11/11/2006	7,5	7,0	5,0	8,0	
14	T2400425	LÊ BẢO	LONG		14/06/2006	8,5	7,0	5,5	9,0	
15	T2400429	VÕ THÁI	LONG		11/04/2006	6,0	4,5	6,0	6,0	
16	T2400437	HỨA VỸ	LUÂN		08/09/2006	9,5	7,5	6,0	8,0	
17	T2400454	HUỲNH TUYẾT	MAI	X	12/05/2006	9,0	7,5	6,5	7,0	
18	T2400456	TRẦN KIM	MAI	X	09/01/2006	10,0	8,5	5,5	8,5	
19	T2400460	NGUYỄN NGỌC THIỆN	MẠNH		13/02/2006	6,5	7,5	3,5	8,5	
20	T2400498	NGUYỄN THANH	NGA	X	17/04/2006	7,5	8,0	5,5	9,0	
21	T2400539	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	X	28/06/2006	9,0	8,5	7,5	7,0	
22	T2400541	NGUYỄN PHƯƠNG	NGỌC	X	23/06/2006	9,5	8,5	8,0	6,0	
23	T2400555	NGÔ THẢO	NGUYÊN	X	31/08/2006	9,0	7,5	8,5	6,5	
24	T2400568	KHƯU GIA	NGUYỄN		26/08/2006	9,5	6,5	8,0	7,5	
25	T2400569	PHẠM TRỌNG	NGUYỄN		23/07/2006	9,5	7,0	7,5	8,0	
26	T2400639	LẠI MINH	NHỰT		13/01/2006	9,0	6,5	6,5	7,0	
27	T2400653	TRẦN MINH NHÂN	PHÁT		04/12/2006	7,5	6,5	6,5	6,5	
28	T2400725	NGUYỄN CHÍ	SƠN		10/09/2006	8,5	7,5	6,5	9,0	
29	T2400742	TRƯƠNG MINH	TẤN		06/10/2006	9,5	7,0	7,5	10,0	
30	T2400750	ĐÀO HUỲNH VIỆT	TIẾN		09/10/2006	9,5	6,5	7,5	8,0	
31	T2400796	VIÊN THỊ NGỌC	TUYẾT	X	03/05/2006	9,5	8,5	8,0	8,0	
32	T2400828	NGUYỄN THANH	THẢO	X	17/08/2006	9,5	6,5	7,0	4,0	
33	T2400829	PHẠM THỊ	THẢO	X	18/09/2006	10,0	7,5	6,5	7,5	
34	T2400842	NGUYỄN CHÍ	THIỆN		29/03/2006	8,0	6,0	3,5	6,0	
35	T2400853	TRẦN TRƯỜNG	THỊNH		13/02/2005	9,5	6,5	7,0	6,5	
36	T2400869	NGUYỄN VĂN	THUẬN		30/01/2006	9,5	8,0	6,5	9,0	
37	T2400972	THÁI THANH	TRÚC	X	07/10/2006	5,5	8,5	6,5	6,0	
38	T2401050	NGUYỄN NHƯ	Ý	X	23/01/2006	8,5	8,0	8,0	5,0	
39	T2401054	PHẠM DIỆU	Ý	X	29/11/2006	9,5	7,0	8,0	6,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024
LỚP: DB2429A7

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400039	PHẠM TRẦN HẢI	ANH		21/08/2006	8,5	6,0	7,5	7,5	
2	T2400048	NGUYỄN GIA BẢO	BẢO		03/10/2006	9,0	5,5	7,5	9,5	
3	T2400064	PHAN MINH	BỬU		25/03/2006	9,5	6,5	4,5	8,5	
4	T2400075	VÕ THỊ BÍCH	CHÂN	X	26/11/2006	10,0	8,5	4,5	6,0	
5	T2400084	PHẠM THÀNH	CHIÊU		15/04/2006	9,5	7,0	7,5	6,5	
6	T2400091	NGUYỄN THÚY	DIỄM	X	07/04/2006	9,5	7,0	7,5	7,0	
7	T2400173	LÊ THÀNH	ĐOÀN		05/04/2006	7,0	4,5	6,0	8,0	
8	T2400193	PHẠM THỊ KIM	HÀ	X	21/02/2006	8,5	7,0	6,5	5,5	
9	T2400199	LÊ NHẬT	HÀO		07/12/2006	9,0	6,5	4,5	9,5	
10	T2400211	TRẦN VĂN	HẢO		20/01/2006	10,0	8,5	5,0	10,0	
11	T2400215	TRẦN GIA	HẠO		25/08/2006	8,5	6,5	6,5	7,0	
12	T2400237	ĐỊNH THỊ THU	HIỀN	X	30/03/2006	5,5	5,5	3,5	5,5	
13	T2400269	TRẦN KHÁNH	HUY		24/12/2005	8,5	5,5	4,5	8,5	
14	T2400285	NGUYỄN THỊ MỸ	HUỲNH	X	27/04/2006	10,0	7,5	4,5	9,5	
15	T2400334	LÊ HOÀNG	KHANG		05/11/2006	9,5	5,5	6,0	9,0	
16	T2400380	CHAU THỊ THA	LA	X	04/12/2006	7,0	8,0	2,5	7,0	
17	T2400381	PHA	LA	X	17/07/2006	6,5	7,5	6,5	6,0	
18	T2400471	ĐOÀN HỒNG	MƠ	X	01/07/2006	9,0	7,0	6,5	7,0	
19	T2400479	PHẠM THỊ BÉ	MY	X	10/07/2006	9,5	6,5	7,5	10,0	
20	T2400528	NGUYỄN VĂN	NGHĨA		20/04/2006	9,0	7,0	5,0	9,5	
21	T2400548	TRỊNH THỊ MỸ	NGỌC	X	06/05/2006	8,0	6,0	2,5	5,5	
22	T2400590	PHAN THẾ	NHẬT		25/07/2006	10,0	5,0	4,0	10,0	
23	T2400591	TRƯƠNG THANH	NHẬT		10/11/2006	9,0	4,5	2,5	9,0	
24	T2400634	PHẠM THỊ HUỲNH	NHƯ	X	21/09/2006	9,5	6,5	4,5	7,0	
25	T2400674	TRẦN HỮU	PHÚC		19/05/2006	8,5	7,0	3,5	7,5	
26	T2400676	TRẦN NHƯ	PHỤNG	X	01/05/2006	9,5	7,0	4,5	8,0	
27	T2400685	TRẦN THỊ CHÚC	PHƯƠNG	X	01/08/2006	6,5	8,5	4,5	8,0	
28	T2400692	NGUYỄN GIA	QUI		11/02/2006	9,5	6,5	7,0	7,5	
29	T2400720	PHẠM QUANG	SANG		27/03/2006	6,5	6,5	7,5	9,0	
30	T2400724	DANH THANH	SAO		22/09/2006	9,5	5,5	6,0	10,0	
31	T2400740	LÂM HOÀNG	TÂN		28/05/2006	8,5	6,5	4,5	7,0	
32	T2400769	NGUYỄN SONG	TOÀN		26/09/2006	9,0	5,5	3,5	5,5	
33	T2400795	ĐINH THỊ MỸ	TUYẾT	X	14/05/2006	10,0	7,5	5,0	8,0	
34	T2400848	HUỲNH PHÚC	THỊNH		21/08/2006	9,0	6,5	6,5	7,0	
35	T2400867	HUỲNH THÁI	THUẬN		01/07/2006	9,5	6,5	7,5	4,0	
36	T2400875	HỒ THỊ THU	THỦY	X	25/09/2006	9,5	8,0	7,0	7,5	
37	T2400898	TRẦN ANH	THƯ	X	24/07/2006	7,0	9,0	8,5	10,0	
38	T2400927	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	X	30/03/2006	8,5	8,5	8,0	8,0	
39	T2400948	PHẠM HUYỀN	TRÂN	X	26/04/2006	9,5	8,0	7,5	9,5	
40	T2401074	NGUYỄN TRỌNG	THỂ		14/09/2006	6,0	5,0	4,0	6,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A8

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400012	TRƯƠNG THỊ DÂN	AN	X	15/11/2005	8,5	7,5	5,5	6,5	
2	T2400016	HUỲNH BẢO	ANH	X	30/09/2006	3,0	5,5	5,0	5,0	
3	T2400034	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	X	15/07/2006	10,0	6,5	4,5	5,5	
4	T2400037	PHẠM LAN	ANH	X	26/12/2005	6,5	7,0	5,0	7,0	
5	T2400041	PHAN VÂN	ANH	X	25/04/2006	6,0	5,5	7,0	5,0	
6	T2400137	HUỲNH VĂN	ĐẠT		25/05/2006	6,5	5,5	5,0	3,5	
7	T2400146	PHẠM HÀ VŨNG	ĐẠT		18/06/2006	8,5	5,5	5,0	7,0	
8	T2400245	LÊ CHÍ	HIẾU		08/07/2005	3,5	4,5	3,0	3,5	
9	T2400248	TÔ CẨM	HIẾU	X	13/05/2006	8,0	6,0	2,5	3,0	
10	T2400260	NGUYỄN GIA	HUỆ	X	29/12/2006	9,0	8,5	5,0	5,5	
11	T2400271	VÕ QUỐC	HUY		14/10/2006	9,0	7,0	4,0	7,5	
12	T2400302	NGUYỄN QUỐC	KIỆT		20/07/2006	10,0	8,0	7,0	9,5	
13	T2400312	NGUYỄN THỊ THIÊN	KIM	X	10/04/2006	9,0	7,5	7,0	8,0	
14	T2400363	NGUYỄN TIỂU	KHIÊM		19/11/2005	1,5	1,5	4,5	5,5	
15	T2400405	DƯƠNG CHÍ	LINH		18/09/2006	9,5	6,5	2,5	6,0	
16	T2400428	TRANG LÊ HUỲNH	LONG		04/12/2006	9,5	7,0	7,5	7,0	
17	T2400466	HỒNG TRUNG	MINH		27/04/2006	7,5	5,5	6,0	6,0	
18	T2400563	RÔ TRÍ	NGUYÊN		28/02/2006	9,5	7,5	5,5	6,5	
19	T2400690	NGUYỄN HỒNG	QUÂN		16/02/2006	8,5	7,0	8,5	6,5	
20	T2400730	CAO BÁ	TÀI		24/01/2006	7,5	7,0	5,5	6,0	
21	T2400736	DƯƠNG HUỲNH THANH	TÂM	X	07/03/2006	7,0	5,5	5,0	5,0	
22	T2400752	PHAN DIỆP	TIẾN		11/07/2006	8,5	6,5	8,5	7,0	
23	T2400807	TRẦN QUỐC	THÁI		26/07/2005	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
24	T2400813	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	X	06/03/2006	7,5	9,0	6,5	6,0	
25	T2400850	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH		30/12/2005	6,5	5,5	5,0	4,5	
26	T2400900	TRẦN ANH	THƯ	X	20/10/2006	9,0	9,5	7,5	10,0	
27	T2400955	DIỆP MINH	TRÍ		24/04/2006	9,5	6,0	6,5	4,5	
28	T2400961	LÊ PHƯỚC	TRIỆU		04/09/2006	9,5	7,5	7,5	6,5	
29	T2400983	LÊ TUYẾT	UYÊN	X	22/01/2006	10,0	7,0	6,5	4,5	
30	T2400988	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	X	26/04/2006	8,5	7,5	6,5	5,0	
31	T2401026	LƯU NGUYỄN TƯỜNG	VY	X	19/08/2006	7,5	7,0	6,5	7,5	
32	T2401055	PHẠM KHẢ	Ý	X	15/11/2006	7,5	3,5	6,5	4,5	
33	T2401069	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	X	01/07/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
34	T2401072	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	X	06/10/2006	7,0	6,0	8,5	6,0	
35	T2401073	NGUYỄN QUANG	LINH		19/08/2006	8,5	5,5	6,5	7,5	
36	T2401078	TRẦN THỊ THANH	NGÀ	X	01/11/2006	9,5	7,5	7,5	5,5	
37	T2401086	ĐẶNG VŨ THẢO	NGỌC	X	06/11/2006	9,0	9,0	8,5	6,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A9

STT	MÃ SỐ HS	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400023	LƯU MINH	ANH	X	10/05/2006	9,5	8,0	8,5	8,5	
2	T2400059	VÕ NGUYỄN	BẰNG		21/01/2006	9,0	7,0	6,0	7,5	
3	T2400461	CHAU LY SOM	MÁTH		05/05/2006	9,5	7,0	7,5	8,5	
4	T2400485	PHẠM THỊ	MỴ	X	31/05/2006	10,0	7,0	6,5	6,0	
5	T2400488	LÊ	NAM		17/11/2006	10,0	6,5	6,5	9,5	
6	T2400520	HUỲNH THANH	NGHI	X	11/08/2006	9,5	8,5	6,5	9,0	
7	T2400583	TỪ THỊ PHƯƠNG	NHÂN	X	06/02/2006	10,0	8,5	7,0	7,0	
8	T2400635	TRẦN THỊ	NHƯ	X	02/09/2006	8,5	9,0	4,0	4,0	
9	T2400756	DƯƠNG PHÚ	TÌNH		11/11/2006	8,5	7,0	7,5	6,5	
10	T2400897	THÁI VƠ MINH	THƯ	X	28/09/2006	9,0	8,0	6,5	5,5	
11	T2400915	HỒ THÙY	TRANG	X	02/12/2006	9,5	8,0	6,5	6,0	
12	T2400923	LÊ NGỌC KHÁNH	TRÂM	X	08/12/2006	10,0	7,5	3,0	8,0	
13	T2400930	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRÂM	X	05/12/2006	9,5	7,5	5,0	9,0	
14	T2400936	LÊ BẢO	TRÂN	X	02/08/2006	9,5	8,0	5,0	9,0	
15	T2400965	VÕ KHÁNH	TRÌNH		15/01/2006	9,5	7,0	3,5	6,5	
16	T2400979	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG		25/06/2006	9,5	7,5	3,5	9,0	
17	T2400981	TRẦN QUỐC	TRƯỜNG		16/05/2004	8,5	6,5	3,5	9,0	
18	T2400996	NGUYỄN PHAN THẢO	VI	X	12/07/2006	10,0	7,5	7,0	9,0	
19	T2401000	HUỲNH CHÍ	VĨ		02/10/2006	8,0	6,5	8,0	9,5	
20	T2401004	NGUYỄN QUỐC	VIỆT		01/10/2006	5,5	4,5	5,5	4,5	
21	T2401005	ĐỖ TRẦN QUANG	VINH		08/02/2006	9,0	6,5	4,5	8,5	
22	T2401028	NGUYỄN NGỌC THÚY	VY	X	01/06/2006	9,5	10,0	6,5	8,0	
23	T2401033	NGUYỄN THÚY	VY	X	01/09/2006	8,5	6,5	5,0	4,5	
24	T2401038	PHAN THANH	XUÂN	X	18/04/2006	9,5	9,0	5,0	7,0	
25	T2401043	TRẦN THỊ BẢO	XUYÊN	X	24/12/2006	9,5	8,5	5,0	7,0	
26	T2401047	ĐINH THỊ NHƯ	Ý	X	29/09/2006	8,5	7,0	5,5	6,5	
27	T2401057	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	X	08/03/2006	9,5	9,5	7,0	8,0	
28	T2401067	NGUYỄN NGỌC	YẾN	X	02/10/2006	9,0	7,5	6,0	6,0	
29	T2401070	LÊ THỊ TRÚC	MY	X	11/07/2006	8,0	7,5	3,5	6,0	
30	T2401071	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	X	18/09/2006	7,5	8,0	6,0	7,0	
31	T2401077	NGUYỄN TRỌNG	BẰNG		06/05/2005	7,5	5,5	5,5	5,0	
32	T2401079	HUỲNH TẤN	BỬU		25/03/2006	8,5	8,0	5,5	9,5	
33	T2401080	HUỲNH THỊ ANH	THƯ	X	21/01/2006	8,5	8,5	5,0	9,0	
34	T2401084	NGUYỄN HOÀNG HIẾU	LINH	X	25/03/2006	8,5	7,5	5,5	5,5	
35	T2401085	PHẠM NGUYỄN TRUNG	THÀNH		03/01/2006	9,5	4,0	4,5	3,5	
36	T2401087	TRẦN THỊ	NGỌC	X	11/06/2006	8,5	8,0	5,5	7,5	
37	T2401088	CHAU SÓC	NAM		19/04/2006	8,5	6,5	6,5	8,0	
38	T2401089	NGUYỄN TẤN	LỘC		13/04/2006	8,0	6,5	4,5	4,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí